

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 155/2017/DS-PT
Ngày 02-8 -2017
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Vững

Ông Bùi Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26 tháng 7 và ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp dân sự đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2017/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2017/QĐPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Văn H1, sinh năm 1949;

Bà Tô Thị H2, sinh năm 1955;

Cùng địa chỉ: Số A, Tổ B, ấp A.T, xã A.H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số C, Khóm D, Phường E, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Sỹ N1 – Văn phòng luật sư C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lâm Thị N2, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số G, ấp A.T, xã A.H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Ông Bùi Công L, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số H, Khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lâm Văn H1, bà Tô Thị H2 trình bày:

Vào tháng 02 năm 1996 ông H1, bà H2 có cho bà Lâm Thị N2 mượn 10 lượng vàng 24k để bà N2 hoàn trả lại phần hùn vốn lò gạch cho ông Bùi Công L. Ông H1, bà H2 đã giao vàng cho ông L tổng cộng 2 lần là 10 lượng vàng 24k. Ông L cũng đã xác nhận là đã nhận đủ 10 lượng vàng 24k do ông H1, bà H2 giao.

Nay ông H1, bà H2 yêu cầu ông Bùi Công L trả lại 10 lượng vàng 24k mà ông H1, bà H2 đã trả dùm cho bà Lâm Thị N2 và không yêu cầu bà N2 trả số vàng trên. Ông H1, bà H2 không yêu cầu giải quyết hợp đồng hùn vốn đối với ông H1, bà H2, bà N2, ông L.

- Bị đơn bà Lâm Thị N2 trình bày:

Giữa bà N2 và ông Lâm Văn H1 có hùn làm lò gạch với ông Bùi Công L, nội dung hùn vốn như sau: Ông H1, bà N2 đưa vào sử dụng 2.500m² đất trong diện tích 7.500m² có nguồn gốc do cha bà N2 và ông H1 là ông Lâm Văn C cho mượn để hùn vốn làm lò gạch và được sở hữu 50% giá trị phần hùn; còn ông L có trách nhiệm đầu tư vốn để xây dựng lò gạch là 10 lượng vàng 24k và được sở hữu 50% giá trị phần hùn. Đến năm 1994 ông H1, bà N2 thỏa thuận với ông L là ông H1, bà N2 sẽ hoàn lại phần hùn cho ông L với giá trị 10 lượng vàng 24k để được toàn quyền sở hữu lò gạch. Vào ngày 01/02/1996 hai bên đã thực hiện giao nhận 10 lượng vàng 24k xong, do ông H1, bà H2 giao vàng cho ông L nhận. Đến 01/7/1997 bà N2 đã làm giấy ủy quyền giao toàn bộ lò gạch cho ông H1, bà H2 quản lý sử dụng. Đến năm 2002 thì ông H1, bà H2 bán lò gạch và diện tích 2.500m² đất này lại cho ông Bùi Văn H3 có làm thủ tục chuyển nhượng với giá là 500.000.000 đồng (tại thời điểm đó tương đương 100 lượng vàng 24k).

Do bà N2 ủy quyền giao toàn bộ lò gạch lại cho ông H1, bà H2 quản lý sản xuất kinh doanh nên bà N2 không còn liên quan đến lò gạch nữa. Ông H1,

bà H2 đã thoái vốn trả lại 10 lượng vàng 24k cho ông L xong. Ông H1, bà H2 đã bán lò gạch cho ông H3 và sử dụng số tiền này, do đó việc ông H1, bà H2 đòi ông L trả 10 lượng vàng 24k là không có căn cứ.

- *Bị đơn ông Bùi Công L trình bày:*

Vào năm 1991 ông H1 đến nhà rủ ông hùn làm lò gạch với nội dung ông H1 hùn vốn là mặt bằng xây dựng còn ông L hùn vốn xây dựng lò gạch lòi, lải hai bên chia đôi. Đến năm 1994 ông L và ông H1 thỏa thuận là ông H1 giao toàn lò gạch cho ông L quản lý sản xuất từ ngày 19/02/1994 cho đến cuối tháng 12/1994 ông L giao lại toàn bộ cơ sở lò gạch cho ông H1 và ông H1 phải có trách nhiệm trả cho ông L 10 lượng vàng 24k trong năm 1996 chia làm 2 đợt. Hai bên đã thực hiện xong.

Như vậy số vàng 10 lượng vàng 24k ông H1 giao cho ông L nhận là số vàng mà ông H1, bà H2 trả phần hùn vốn làm lò gạch cho ông L chứ không phải trả dùm thay cho bà N2. Vào năm 2002 ông H1, bà H2 đã bán lò gạch này cho ông H3. Đến ngày 08/01/2007 ông H1, bà H2 có đến nhờ ông L xác nhận dùm là có nhận của ông H1, bà H2 10 lượng vàng 24k và ông L đã giao lò gạch lại như giấy tờ đã cam kết với ông H1, bà H2 để kiện bà N2 trả lại vàng. Nhưng nay ông H1, bà H2 lấy giấy xác nhận ngày 08/01/2007 để đòi ông L trả 10 lượng vàng 24k, ông L không đồng ý.

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Lâm Văn H1, bà Tô Thị H2 về việc yêu cầu bà Lâm Thị N2 trả 10 lượng vàng 24k.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Lâm Văn H1 và bà Tô Thị H2 về việc đòi ông Bùi Công L trả cho ông H1, bà H2 10 lượng vàng 24k.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Văn H1 và bà Tô Thị H2 phải chịu 17.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được miễn tiền án phí do có sổ hộ nghèo số 87 877 30247.0044 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/01/2016. Ông H1, bà H2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.191.000 đồng theo biên lai thu số 038500 ngày 10/3/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra còn quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 19/01/2017 ông H1, bà H2 kháng cáo yêu

cầu được chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà đối với ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự và Luật sư bảo vệ quyền lợi nguyên đơn có mặt đầy đủ và khẳng định đã xuất trình đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không thay đổi yêu cầu khởi kiện. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông H1, bà H2 trình bày là căn cứ vào tờ cam kết bàn giao ngày 17/5/1995 và giấy xác nhận ngày 08/01/2007 của ông L để yêu cầu ông L trả cho ông H1, bà H2 10 lượng vàng 24k.

Bà N2 vẫn giữ nguyên ý kiến của bà xác định 10 lượng vàng 24k tranh chấp là do ông H1, bà H2 thoái vốn hợp đồng hùn làm lò gạch cho ông L đã được các bên thực hiện xong từ lâu. Bà N2 cũng không có ý kiến tranh chấp phần vàng này cũng như hợp đồng hùn vốn làm lò gạch trước đây.

Ông L xác định đây vàng thối phần vốn hùn của ông ra khỏi lò gạch nay đã thực hiện xong, ông không đồng ý trả lại vàng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung kháng cáo, đề nghị hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông H1, bà H2 về việc yêu cầu bà N2 trả 10 lượng vàng 24k. Không chấp nhận yêu cầu của ông H1, bà H2 về việc đòi ông L trả 10 lượng vàng 24k.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Lâm Văn H1, bà Tô Thị H2 theo thực hiện thỏa thuận các bên như sau: Xuất phát từ việc hùn vốn làm lò gạch giữa ông Lâm Văn H1, bà Lâm Thị N2 và ông Bùi Công L vào năm 1991. Theo văn bản thỏa thuận là Giấy hùn vốn làm lò gạch ngày 15/12/1991 thì ông H1 và bà N2 hùn diện tích đất khoảng 2.500m² (do cha của ông H1, bà N2 là ông Lâm Văn C cho mượn) trị giá là 50% giá trị phần hùn; ông L bỏ vốn 10 lượng vàng 24k đầu tư xây dựng lò gạch và được hưởng 50% phần hùn còn lại. Do làm ăn khó khăn nên vào ngày 19/02/1994 giữa ông H1 với ông L thỏa

thuận ông L sử dụng lò gạch đến tháng 12/1994 sẽ giao lại cho ông H1 và bà H2 toàn bộ tài sản lò gạch. Tuy nhiên, ông H1, bà H2 khởi kiện đòi lại vàng vì cho rằng đến thời gian thực hiện cam kết theo thỏa thuận ngày 17/5/1995 giữa bà N2 với ông L thì bà N2 giao cho ông L 10 lượng vàng 24k để thoái phần hùn vốn nhưng bà N2 không có đủ vàng nên yêu cầu ông H1, bà H2 đứng ra trả 10 lượng vàng 24k cho ông L. Lúc ông H1, bà H2 trả vàng cho ông L không nói là trả thay cho bà N2 nên nay kiện yêu cầu đòi lại vàng.

[2] Trước đó nguyên đơn ông Lâm Văn H1, bà Tô Thị H2 kiện yêu cầu bà Lâm Thị N2 trả lại cho ông H1, bà H2 10 lượng vàng 24k. Đến sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm thì ông H1, bà H2 không yêu cầu bà N2 trả 10 lượng vàng 24k nữa. Ông H1, bà H2 thay đổi yêu cầu khởi kiện là đòi ông Bùi Công L trả 10 lượng vàng 24k cho ông H1, bà H2 theo biên nhận vàng ngày 01/02/1996 giữa ông L với ông H1, bà H2. Nhưng yêu cầu không được chấp nhận nên ông H1, bà H2 kháng cáo.

[3] Việc ông H1, bà H2 rút yêu cầu khởi kiện đối với bà N2 về việc yêu cầu trả 10 lượng vàng 24k là tự nguyện và phù hợp nên Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là đúng theo quy định pháp luật.

[4] Đối với ông H1, bà H2 yêu cầu ông L trả 10 lượng vàng 24k theo biên nhận vàng ngày 01/02/1996 của ông L. Bà N2 xác định bà không có yêu cầu ông H1, bà H2 trả thay 10 lượng vàng 24k cho ông L, lý do bà N2 không có nợ ông L. Bà N2 không có ý kiến tranh chấp phần 10 lượng vàng 24k cũng như hợp đồng hùn vốn làm lò gạch trước đây. Bà N2, ông L cùng xác định việc ông L nhận 10 lượng vàng 24k này là do ông H1, bà H2 thoái vốn hợp đồng hùn làm lò gạch của ông L đã đầu tư xây dựng nhà xưởng, máy móc thiết bị xây dựng lò gạch đã được các bên thực hiện xong quyền và nghĩa vụ. Lời khai của bà N2, ông L phù hợp với giấy xác nhận ngày 08/01/2007 có xác nhận chính quyền địa phương do nguyên đơn cung cấp và lời khai ngày 18/6/2008 của người làm chứng ông Nguyễn Thanh P xác định ông H1 trả 10 lượng vàng 24k cho ông L là thôi lại phần hùn vốn lò gạch cho ông L.

Ông H1 cũng thừa nhận sau khi giao vàng cho ông L, ông L có giao lò gạch cho bà N2; bà N2 giao lại cho ông H1, bà H2 quản lý kinh doanh. Ông H1, bà H2 được nhận lại toàn bộ cơ sở lò gạch đúng theo thỏa thuận để quản lý sản xuất kinh doanh. Sau đó ông H1, bà H2 bán cho ông Bùi Văn H3 500.000.000 đồng đã nhận tiền xong và tự quyết định sử dụng toàn bộ số tiền này.

Do đó ông H1, bà H2 yêu cầu ông L trả lại 10 lượng vàng 24k là xác định đây vàng trả để thanh lý hợp đồng hùn vốn lò gạch với ông L; ông L đã giao lại lò gạch ông H1, bà H2 kinh doanh và bán lại cho ông H3. Việc ông L nhận vàng là hoàn toàn có căn cứ, đúng theo thỏa thuận tự nguyện các bên nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1, bà H2 đòi ông L trả lại 10 lượng vàng 24K là đúng quy định pháp luật.

Do đó yêu cầu kháng cáo của ông H1, bà H2 là không được chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H1, bà H2. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Về án phí: Tuy giữ nguyên bản án sơ thẩm nhưng do ông H1, bà H2 là hộ nghèo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Các Điều 163, 164, 256 Bộ luật dân sự năm 2005.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Không chấp nhận kháng cáo ông Lâm Văn H1, bà Tô Thị H2.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.
- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Lâm Văn H1, bà Tô Thị H2 về việc yêu cầu bà Lâm Thị N2 trả 10 lượng vàng 24k.
- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Lâm Văn H1 và bà Tô Thị H2 về việc đòi ông Bùi Công L trả cho ông H1, bà H2 10 lượng vàng 24k.
- Về án phí dân sự:
 - + Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Văn H1 và bà Tô Thị H2 phải chịu 17.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn tiền án phí do thuộc hộ nghèo (theo sổ số 87 877 30247.0044 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/01/2016). Ông H1, bà H2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã

nộp 4.191.000 đồng theo biên lai thu số 038500 ngày 10/3/2016 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện C.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Văn H1 và bà Tô Thị H2 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được miễn tiền án phí do thuộc hộ nghèo (theo sổ hộ nghèo số 87 877 30247.0044 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/01/2017). Ông H1, bà H2 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 11922 ngày 20/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Chí Tâm